HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2025/NQ-HĐND	*Điện Biên, ngày tháng năm 2025*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương 06 tháng cuối năm 2025 tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương 06 tháng cuối năm 2025 tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh số /BC-BKTNS ngày tháng năm 2025; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương 06 tháng cuối năm 2025 tỉnh Điện Biên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương 06 tháng cuối năm 2025 tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 tỉnh Điện Biên và Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XV, kỳ họp thứ Hai mươi mốt thông qua ngày tháng năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL và QLXLVPHC- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh;
- TT TT-HN-NK tỉnh;
- LĐ và CV Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT .

CHỦ TỊCH

Lò Văn Phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương 06 tháng cuối năm 2025 tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2025/NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương 06 tháng cuối năm 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan Nhà nước, Đảng, Đoàn thể, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2. Ngân sách tỉnh giữ vai trò chủ đạo, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh. Đẩy mạnh phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách các xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã) để tạo quyền chủ động và đề cao vai trò, trách nhiệm của cấp chính quyền cơ sở trong công tác quản lý điều hành ngân sách, sử dụng tài sản, tiền vốn nhà nước.

3. Phân cấp nguồn thu cho các cấp ngân sách địa phương đảm bảo nguyên tắc tăng cường phân cấp cho cơ sở, gắn với nhiệm vụ và khả năng quản lý của từng cấp; cấp nào quản lý tốt nguồn thu, có hiệu quả thì phân cấp quản lý thu và điều tiết cho cấp ngân sách đó, hạn chế một đối tượng thu nhiều đơn vị thu quản lý và một khoản thu điều tiết nhiều cấp ngân sách.

4. Đảm bảo phù hợp với các phân cấp nhiệm vụ quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương; phù hợp với tình hình thực tế, điều kiện, năng lực, trình độ quản lý của từng cấp ngân sách.

Chương II
PHÂN CẤP NGUỒN THU CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 4. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

1. Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước Trung ương; khu vực doanh nghiệp Nhà nước địa phương; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; khu vực kinh tế ngoài quốc doanh; các đơn vị sự nghiệp công lập có thu do cơ quan thuế cấp tỉnh quản lý bao gồm: Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

2. Thuế tài nguyên.

3. Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

4. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản do cơ quan Trung ương thực hiện cấp phép (phần ngân sách địa phương hưởng) và do tỉnh thực hiện cấp phép.

5. Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất trong nước (xăng, dầu, mỡ nhờn...).

6. Thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

7. Tiền cho thuê đất từ các dự án do cấp tỉnh làm chủ đầu tư, quản lý; tiền cho thuê đất, thuê mặt nước phát sinh do các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, các doanh nghiệp nộp.

8. Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; thuế thu nhập cá nhân do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước; các khoản thu nhập cá nhân khác do cơ quan thuế cấp tỉnh quản lý thu.

9. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan, đơn vị nhà nước cấp tỉnh thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và doanh nghiệp nhà nước địa phương thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.

10. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu.

11. Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quản lý.

12. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan cấp tỉnh quyết định xử phạt, tịch thu.

13. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

14. Thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có góp vốn của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước.

15. Thu từ bán, thanh lý tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp tỉnh quản lý (phần phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định).

16. Tiền đền bù thiệt hại đất.

17. Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

18. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp tỉnh.

19. Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp tỉnh.

20. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh.

21. Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương.

22. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, xổ số điện toán.

23. Các khoản thu đột biến từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước 2015.

24. Thu chuyển nguồn của ngân sách tỉnh từ năm trước chuyển sang.

25. Thu kết dư ngân sách tỉnh.

26. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ Ngân sách Trung ương.

27. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết các khoản thu ngân sách cấp tỉnh theo phụ biểu đính kèm)

Điều 5. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%

1. Các khoản phí, lệ phí.

2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

4. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền của chính quyền cấp xã.

5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do cấp xã xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

6. Thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp xã.

8. Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước do cấp xã quản lý.

9. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước phát sinh do cá nhân, hộ gia đình nộp.

10. Thu từ hoạt động kinh doanh của cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh.

11. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp xã.

12. Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp xã.

13. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp xã.

14. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

15. Thu từ các hoạt động sự nghiệp của cấp xã, phần nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

16. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

17. Thu kết dư ngân sách cấp xã.

18. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.

19. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết các khoản thu ngân sách cấp xã theo phụ biểu đính kèm)

Chương III
PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi đầu tư xây dựng các dự án trong các lĩnh vực: quốc phòng; an ninh và trật tự an toàn xã hội; giáo dục, đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ; y tế, dân số và gia đình; văn hóa thông tin; phát thanh, truyền hình, thông tấn; thể dục thể thao; bảo vệ môi trường; các hoạt động kinh tế; hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể; đảm bảo xã hội và các lĩnh vực khác từ nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn thu tiền sử dụng đất cân đối trong ngân sách địa phương do ngân sách tỉnh quản lý (trừ đầu tư từ kinh phí đối ứng cho các chương trình, dự án thực hiện cấp phát thanh toán theo cơ chế của nguồn vốn ODA).

b) Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của tỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết, xổ số điện toán các công trình, dự án do tỉnh quản lý.

d) Phần chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu khác do cấp tỉnh quản lý (theo quy định của Trung ương đối với từng nguồn vốn).

đ) Chi từ nguồn huy động đóng góp theo quy định của pháp luật, nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách tỉnh để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

e) Các khoản chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được phân cấp trực tiếp quản lý các lĩnh vực:

a) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách tỉnh đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

b) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, gồm giáo dục trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên và các hoạt động giáo dục khác; đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề nghiệp, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác.

c) Nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ và sở hữu trí tuệ, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, an toàn và an ninh thông tin, vận hành hạ tầng bưu chính viễn thông và các nền tảng số.

d) Sự nghiệp y tế, bao gồm: Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác, dân số và kế hoạch hóa gia đình; chi phụ cấp hoạt động cho nhân viên y tế thôn, bản, cô đỡ thôn, bản; kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được hưởng chính sách trên địa bàn tỉnh.

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin, bao gồm bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật, báo chí- xuất bản, thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại, hoạt động văn hóa thông tin cơ sở khác.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác.

g) Sự nghiệp thể dục thể thao, bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường.

i) Các hoạt động kinh tế.

Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường tỉnh lộ.

Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, kênh mương, công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn; các trạm trại nông lâm nghiệp; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; chi hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thuỷ lợi theo chính sách quy định của nhà nước.

Sự nghiệp tài nguyên: Điều tra cơ bản; đo đạc địa giới hành chính; đo vẽ bản đồ; đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác.

Sử dụng tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất theo quy định để thực hiện Quyết định số 32/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ, ban quản lý rừng và tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng; kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng chính phủ về thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để chấn chỉnh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và Quyết định số 191/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt và phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai năm 2017; kinh phí hoàn chỉnh việc đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho các xã biên giới theo Quyết định Thủ tướng Chính phủ (ngoài phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương - nếu có) do cấp tỉnh quản lý.

Các nhiệm vụ, dự án quy hoạch do cấp tỉnh thực hiện.

Lĩnh vực thương mại, du lịch.

Các sự nghiệp kinh tế khác.

k) Chi đảm bảo xã hội, bao gồm các trung tâm bảo trợ xã hội, cứu tế xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do tỉnh quản lý.

l) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

m) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của Chính phủ.

n) Phần chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác do cấp tỉnh thực hiện.

o) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi dự phòng ngân sách cấp tỉnh.

4. Chi trả nợ lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay.

5. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.

6. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

7. Chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

8. Chi viện trợ.

Điều 7. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu được phân cấp cho xã (theo quy định của Trung ương đối với từng nguồn vốn và quyết định phân cấp đầu tư của tỉnh).

b) Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất theo phân cấp.

c) Chi từ nguồn huy động đóng góp theo quy định của pháp luật, nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp xã để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

d) Các khoản chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

đ) Trong trường hợp ngân sách cấp xã có nguồn thu được hưởng theo phân cấp lớn hơn nhiệm vụ chi thường xuyên thì được sử dụng nguồn còn dư để chi đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, duy tu sửa chữa các công trình phúc lợi xã hội do cấp xã quản lý.

2. Chi thường xuyên:

a) Các nhiệm vụ về quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội do cấp xã đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

b) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, bao gồm giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các hoạt động giáo dục khác; đào tạo nghề nghiệp, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo khác đối với cán bộ, công chức, viên chức xã quản lý.

c) Ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác (không bao gồm chi nghiên cứu khoa học và công nghệ).

d) Sự nghiệp y tế, bao gồm: Bảo vệ chăm sóc sức khỏe đối với các cán bộ, đối tượng chính sách do cấp xã quản lý (theo chính sách quy định của tỉnh), hoạt động phòng chống dịch, bệnh và các hoạt động y tế khác theo phân cấp.

đ) Sự nghiệp văn hóa, thông tin bao gồm: bảo tồn, thư viện, thông tin cơ sở, ứng dụng công nghệ thông tin và các hoạt động văn hóa thông tin khác.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác.

g) Sự nghiệp thể dục thể thao, bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp xã; các giải thi đấu cấp xã; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường.

i) Các hoạt động kinh tế do cấp xã quản lý, trong đó: sử dụng tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất theo quy định để thực hiện kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng chính phủ về thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để chấn chỉnh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và Quyết định số 191/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt và phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai năm 2017; kinh phí hoàn chỉnh việc đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho các xã biên giới theo Quyết định Thủ tướng Chính phủ (ngoài phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương - nếu có) do cấp xã quản lý.

k) Chi đảm bảo xã hội, bao gồm: Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định; chi thăm hỏi các gia đình chính sách, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách an sinh xã hội khác do cấp xã quản lý.

l) Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, Đảng, tổ chức chính trị xã hội cấp xã; chế độ đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố (không bao gồm chi phụ cấp hoạt động không chuyên trách cho nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn, bản); chế độ cho lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

m) Các khoản chi thường xuyên khác ở cấp xã theo quy định của pháp luật.

n) Chi thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.

3. Chi dự phòng ngân sách cấp xã.

4. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã./.

CHI TIẾT CÁC KHOẢN THU CÁC CẤP NGÂN SÁCH 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025 TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Nghị quyết số: /2025/NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Nội dung các khoản thu	Trong đó	
		Ngân sách cấp tỉnh (%)	Ngân sách cấp xã (%)
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương		
	- Thuế giá trị gia tăng	100	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	100	
	- Thu khác	100	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương		
	- Thuế giá trị gia tăng	100	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	100	
	- Thu khác	100	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
	- Thuế giá trị gia tăng	100	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	100	
	- Thu khác	100	
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		
	- Thuế giá trị gia tăng	100	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	100	
	- Thu khác	100	
5	Thu thuế từ đơn vị sự nghiệp công lập có thu do cấp tỉnh quản lý		
	- Thuế giá trị gia tăng	100	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	100	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	100	
	- Thu khác	100	
6	Thuế tài nguyên	100	
7	Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước	100	
8	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản		
	- Do cơ quan Trung ương thực hiện cấp phép (phần ngân sách địa phương hưởng)	100	
	- Do Tỉnh thực hiện cấp phép	100	
9	Thuế Bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá sản xuất trong nước (xăng, dầu, mỡ…)	100	
10	Thu tiền sử dụng đất		
	- Thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	100	

STT	Nội dung các khoản thu	Trong đó	
		Ngân sách cấp tỉnh (%)	Ngân sách cấp xã (%)
	- Thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.		100
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		
	- Tiền cho thuê đất từ các dự án do cấp tỉnh làm chủ đầu tư, quản lý; Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước phát dinh do các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, các doanh nghiệp nộp.	100	
	- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước phát sinh do cá nhân, hộ gia đình nộp		100
12	Thuế thu nhập cá nhân		
	- Từ tiền lương, tiền công của người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; thuế thu nhập cá nhân do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan thuế cấp tỉnh quản lý thu và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước; các khoản thu nhập cá nhân khác do cơ quan thuế cấp tỉnh quản lý thu.	100	
	- Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp xã.		100
13	Thu phí, lệ phí (Trừ lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh)		
	- Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan, đơn vị nhà nước cấp tỉnh thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và doanh nghiệp nhà nước địa phương thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật; Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu.	100	
	- Do cấp xã thực hiện		100
14	Lệ phí trước bạ		100
15	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		100
16	Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước		
	- Do cấp tỉnh quản lý	100	
	- Do cấp xã quản lý		100
17	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật		
	- Do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định xử phạt, tịch thu	100	
	- Do cấp xã quyết định xử phạt, tịch thu		100
18	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;		
	- Do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý	100	
	- Do cấp xã xử lý		100

STT	Nội dung các khoản thu	Trong đó	
		Ngân sách cấp tỉnh (%)	Ngân sách cấp xã (%)
19	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có góp vốn của nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của DNNN	100	
20	Thu từ bán, thanh lý tài sản nhà nước, kê cả thu từ chuyên nhượng quyên sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác (phần phải nộp NSNN theo quy định)	100	
21	Tiền đền bù thiệt hại đất	100	
22	Tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa	100	
23	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		100
24	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		100
25	Thu từ hoạt động kinh doanh của cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh		100
26	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài		
	- Cho ngân sách cấp tỉnh	100	
	- Cho ngân sách cấp xã		100
27	Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật		
	- Cho ngân sách cấp tỉnh	100	
	- Cho ngân sách cấp xã		100
28	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước		
	- Cho ngân sách cấp tỉnh	100	
	- Cho ngân sách cấp xã		100
29	Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương	100	
30	Thu từ quĩ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		100
31	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, xổ số điện toán	100	
32	Các khoản thu được để lại từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định tại Điểm d Khoản 7 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước 2015	100	
33	Thu từ các hoạt động sự nghiệp của cấp xã, phần nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định		100
34	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		
	- Ngân sách cấp tỉnh	100	
	- Ngân sách cấp xã		100
34	Thu kết dư ngân sách		
	- Ngân sách cấp tỉnh (sau khi đã trích nộp quỹ dự trữ tài chính theo quy định)	100	
	- Ngân sách cấp xã		100
36	Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên		
	- Ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh	100	
	- Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách cấp xã		100
37	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.		
	- Cấp tỉnh thu	100	
	- Cấp xã thu		100